

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 30/06/2012

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TRA

Hà Nội - Tháng 7 năm 2012

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	4
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT, KIỂM TRA	5
I. Bảng tính vốn khả dụng	6
II. Bảng tính giá trị rủi ro	7 - 9
III. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và Vốn khả dụng	9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008, Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/07/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/01/2011, Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/08/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng tương ứng 13.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán./.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, Khu A, Thôn Phú Mỹ, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Văn Quyết	Ủy viên
Ông Dương Kim Ngọc	Ủy viên
Ông Đường Ngọc Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Hoa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2012. Để lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn và áp dụng nhất quán chính sách kế toán;
- Có hiểu biết đầy đủ về hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống kế toán cũng như có hiểu biết ở mức độ hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của công ty tại mọi thời điểm;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và kiểm tra báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Ý kiến Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Cam kết khác:

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty chứng khoán theo Thông tư số 09/2011/TT-BTC ngày 15/01/2011 và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 có hiệu lực từ ngày 01/06/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

Số : 041/BCKT/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA
Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC đã thực hiện các thủ tục kiểm tra đã thoả thuận trước với quý Công ty được ghi dưới đây trong việc kiểm tra Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC được trình bày từ trang 5 đến trang 9 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác kiểm tra của chúng tôi

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm tra báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét và kiểm tra. Chuẩn mực này yêu cầu công tác kiểm tra, soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước", chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích, tính toán lại, so sánh và kiểm tra tính chính xác của các phép tính trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm tra, soát xét

Trên cơ sở công tác kiểm tra soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi tin rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo của chúng tôi chỉ sử dụng cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty nhằm mục đích báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan khác theo qui định hiện hành mà không dùng cho mục đích nào khác và cũng không được phổ biến cho một bên khác.



Lại Văn Hùng
Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0907/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN AVINA - IAFC

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

Trần Ngọc Linh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0759/KTV

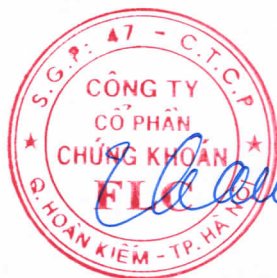
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2012

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (FLCS) cam đoan rằng:

1. Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
2. Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
3. Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Phạm Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

Trịnh Thị Thúy Nga

Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Quốc Vương

Kế toán trưởng

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG THÁNG 6 NĂM 2012		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	509.892.252		
6	Quỹ dự phòng tài chính	509.892.252		
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật.	49.033.504.350		
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính.		184.115.634	-
1A	Tổng	184.869.173.220		
B	Tài sản ngắn hạn	(1)	(2)	(3)
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		1.500.000.000	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>			
2	Trả trước cho người bán		401.200.510	
5	Các khoản phải thu khác			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		4.111.180.200	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>		-	
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		293.658.150	
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		10.502.000	
1B	Tổng	6.316.540.860		
C	Tài sản dài hạn	(1)	(2)	(3)
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>			
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>		1.034.772.046	
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>		-	
<i>IV</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>			
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>		2.183.381.694	
1C	Tổng	3.218.153.740		
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C		175.334.478.620		

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		5.057.890.748	0
1	Tiền mặt (VND)	0%	5.057.890.748	0
II	Trái phiếu Chính phủ		0	0
III	Trái phiếu doanh nghiệp		0	0
IV	Cổ phiếu		519.627.400	151.323.875
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	3.100.700	310.070
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	26.270.700	3.940.605
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	36.000	7.200
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	490.220.000	147.066.000
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	0	0
V	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán		0	0
VI	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch		0	0
VII	Chứng khoán khác		0	0
VIII	Rủi ro tăng thêm (nếu có)			
	Chi tiết tới từng mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)			151.323.875

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

B RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro (Chi tiết theo đối tác)						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I	Rủi ro trước thời hạn thanh toán	0	0	0	0	0	199.800.000.000	15.984.000.000
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm						117.300.000.000	9.384.000.000
2	Cho vay chứng khoán							0
3	Vay chứng khoán							0
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại							0
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại							0
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						82.500.000.000	6.600.000.000

II Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-
4	Từ 60 ngày trở đi	100%	36.426.870.228	36.426.870.228

III Rủi ro tăng thêm (nếu có)

	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Công ty CP FLC Land	30%	9.264.000.000	2.779.200.000
2	Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	30%	4.480.000.000	1.344.000.000
3	Công ty CP FLC Travel	10%	1.600.000.000	160.000.000
B	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)			56.694.070.228

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

C RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	94.029.355.136
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	
	1. Chi phí khấu hao	2.197.376.589
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	- 23.164.569.780
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	35.911.278.921
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	79.085.269.406
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25% x III)	19.771.317.352
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=MAX{IV, V})	27.000.000.000
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (D=A+B+C)	83.845.394.103

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	151.323.875	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	56.694.070.228	
3	Tổng giá trị hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	83.845.394.103	
5	Vốn khả dụng	175.334.478.620	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	209%	

